

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 14-3-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐ-TA ngày 27/02/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Vĩnh Lộc 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Vĩnh Lộc 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang ngày 02/8/2009. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau dẫn đến không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, bất hòa, mặc dù đã được hai bên hàn gắn nhưng không thành. Hiện vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống

không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 người con chung gồm cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/4/2007, giới tính nữ và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 11/9/2016, giới tính nữ. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 13/3/2024 chị T xác định chị đồng ý giao 02 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị thay đổi nhường quyền nuôi con cho anh L nuôi dưỡng là vì trong thời gian tới chị đi làm ăn xa nhà nên không có đủ điều kiện nuôi con nên chị đồng ý giao các con cho anh L nuôi dưỡng (các con hiện nay sống cùng anh L, chị T).

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T đối với anh Nguyễn Văn Linh. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/4/2007, giới tính nữ và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 11/9/2016, giới tính nữ tiếp tục anh L nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét vắng mặt chị T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Phan Thị T yêu cầu xin ly hôn, giải quyết con chung với anh Nguyễn Văn L nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh L trên cơ sở yêu thương nhau tự nguyện kết hôn vào năm 2006 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/8/2019 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không còn tình cảm mặc dù đã được hai bên hàn gắn nhưng không thành, hiện anh chị đã sống ly thân. Về mâu thuẫn giữa anh chị được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, anh chị thường xuyên mâu thuẫn cự cãi, bất hòa, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh chị hiện nay đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị T.

[4] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/4/2007, giới tính nữ và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 11/9/2016, giới tính nữ. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Tuy nhiên, sau đó ngày 13/3/2024 chị T có văn bản ý kiến thay đổi quyền nuôi con, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh L nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh, hiện cháu T, cháu V đang sống chung cùng chị T, anh L cuộc sống được đảm bảo; trước đây cháu T, cháu V đều có nguyện vọng sống cùng chị T nhưng sau đó các cháu có thay đổi nguyện vọng mong muốn được sống cùng cha là anh L. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu T, cháu V nên căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/4/2007, giới tính nữ và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 11/9/2016, giới tính nữ cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005276 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/4/2007, giới tính nữ và cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 11/9/2016, giới tính nữ cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu về tài sản chung, xác định không có nợ chung nên không xem xét.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005276 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự chị T, anh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phụng

